

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05/8/2019

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân
gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Đình Dung

2- Ông Nguyễn Nữ Ước

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn 4, xã T, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Y, sinh năm 1979

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 5, xã T, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt do tuyên bố mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:**

Tôi và ông Trần Văn Y có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk ngày 04/7/2000 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi cưới chúng tôi chung sống thuận hoà hạnh phúc được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau, làm cho tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến năm 2014 ông Y tự bỏ nhà ra đi khỏi địa phương cho đến nay không có tin tức gì. Tháng 5/2019, tôi đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Y mất tích theo quy định của pháp luật. Ngày 15/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã mở phiên họp tuyên

bố ông Lê Văn Y mất tích, cho đến nay ông Y vẫn không về, nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Văn Y theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Công T, sinh năm 2000, hiện cháu đã đủ tuổi thành niên, cháu Lê Thị Ái D, sinh ngày 01/8/2002 và cháu Lê Diễm P, sinh ngày 14/11/2014 hiện các cháu đang ở với tôi nên đề nghị Tòa án giao các cháu cho tôi tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Y và giải quyết về trách nhiệm nuôi con chung, còn tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện VKSND huyện Cư Kuin phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đưa vụ án “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” ra xét xử ngày hôm nay là đúng thời gian và thẩm quyền quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 BLTTDS năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự quy định và đúng pháp luật. Phía bị đơn ông Lê Văn Y Tòa án đã tuyên bố mất tích, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, khoản 1 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị S. Cho bà Trần Thị S được ly hôn ông Lê Văn Y.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ái D, sinh ngày 01/8/2002 và cháu Lê Diễm P sinh ngày 14/11/2014 cho bà Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Cư Kuin, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Do ông Lê Văn Y đã bị

tuyên bố mất tích, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn Y.

- Về nội dung: Bà Trần Thị S và ông Lê Văn Y chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2000 tại UBND xã T, huyện Krông Ana (nay là huyện Cư Kuin), tỉnh Đắk Lắk là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà Trần Thị S là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau. Đến năm 2014 ông Lê Văn Y bỏ nhà đi khỏi địa phương cho đến nay không có tin tức gì. Bà Trần Thị S đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lê Văn Y mất tích theo quy định của pháp luật. Tại Quyết định số 02/QĐST-VDS ngày 15/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã tuyên bố ông Lê Văn Y mất tích. Sau khi Tòa án quyết định tuyên bố mất tích, bà Trần Thị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn Y là đúng quy định của pháp luật.

Theo kết quả xác minh tại ban tự quản thôn 5, xã T, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk cho biết: Sau khi Tòa án quyết định tuyên bố ông Lê Văn Y mất tích cho đến nay không thấy ông Y có mặt tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Trần Thị S.

Về con chung: Quá trình vợ chồng chung sống, ông bà có 03 con chung là cháu Lê Công T, sinh năm 2000, hiện cháu đã đủ tuổi thành, cháu Lê Thị Ái D, sinh ngày 01/8/2002 và cháu Lê Diễm P sinh ngày 14/11/2014 hiện đang ở với bà S, cần giao các cháu cho bà Trần Thị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 146; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, khoản 1 Điều 82 và Điều khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị S. Cho bà Trần Thị S được ly hôn ông Lê Văn Y.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ái D, sinh ngày 01/8/2002 và cháu Lê Diễm P sinh ngày 14/11/2014 cho bà Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Khi ông Lê Văn Y trở về địa phương có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014742 ngày 13/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- UBND xã Ea Hu
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ LỢI